

Số: /KH-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH
Triển khai Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số
trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày 11/02/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số;

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số;

Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch triển khai nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Sơn La với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Hình thành cơ sở dữ liệu địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh với cấu trúc theo quy định tại Quyết định 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông nhằm thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Hình thành cơ sở dữ liệu địa chỉ số để chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khai thác, xây dựng các bản đồ số chuyên ngành phục vụ nhu cầu quản lý và phát triển kinh tế xã hội.

- Hoàn thành chỉ tiêu về địa chỉ số trong Chiến lược phát triển bưu chính đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 654/QĐ-TTg ngày 30/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các chiến lược quốc gia về phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

2. Yêu cầu

- Bám sát Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và Kế hoạch phát triển nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số của Bộ Thông tin và Truyền thông để triển khai hiệu quả tại địa phương.

- Có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan.

- Tổ chức tuyên truyền, thông tin về Kế hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng: Báo Sơn La, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, nền tảng số, mạng xã hội.

II. NỘI DUNG

1. Đối tượng tham gia Kế hoạch

- Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan.

- Báo Sơn La, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.

- UBND các huyện, thành phố.

- UBND các xã, phường, thị trấn.

- Doanh nghiệp tham gia Kế hoạch:

- + Doanh nghiệp tổ chức phát triển Nền tảng địa chỉ số trên địa bàn tỉnh: Bưu điện tỉnh Sơn La.

- + Các doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số.

- Các đối tượng ứng dụng, khai thác: Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số.

2. Nội dung triển khai

2.1. Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia

- Thực hiện thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng tại Phụ lục II Kế hoạch này vào Cơ sở dữ liệu (CSDL) địa chỉ số quốc gia. Một địa chỉ số khi thu thập, cập nhật dữ liệu phải đảm bảo tối thiểu có đủ các trường thông tin cơ bản.

- Khuyến khích việc thu thập, cập nhật các trường thông tin nâng cao để phục vụ công tác thông báo địa chỉ số và phát triển nền tảng, cơ sở dữ liệu địa chỉ số đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội.

2.2. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số

- Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác.

- Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

- Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: bản đồ dịch tễ,

bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ y tế, bản đồ giáo dục, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, bản đồ cột nước cứu hỏa, v.v....

- Triển khai các dịch vụ ứng dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số khác.

2.3. Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số

a) Tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ, bao gồm:

- Chủ sở hữu đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (*đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình*);

- Người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng/công trình được gán địa chỉ số (*đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể*);

- Người đang sử dụng/quản lý đối tượng/công trình được gán địa chỉ số.

b) Quy trình thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số

Bước 1: Bàn giao dữ liệu Mã địa chỉ số

Bưu điện tỉnh Sơn La chuẩn bị đầy đủ dữ liệu địa chỉ số của các đối tượng nêu tại Phụ lục II của Kế hoạch này; xây dựng quy trình và phương án bàn giao dữ liệu địa chỉ số cho tỉnh Sơn La để khai thác, sử dụng.

Bước 2: Tiếp nhận dữ liệu Mã địa chỉ số

- Sở Thông tin và Truyền thông là đầu mối tiếp nhận/bàn giao dữ liệu Mã địa chỉ số, thực hiện:

- + Tiếp nhận dữ liệu Mã địa chỉ số từ Bưu điện tỉnh Sơn La;

- + Bàn giao dữ liệu Mã địa chỉ số cho UBND các huyện, thành phố.

- UBND các huyện, thành phố tiến hành bàn giao dữ liệu Mã địa chỉ số cho UBND các xã, phường, thị trấn trực thuộc (gọi chung là UBND cấp xã).

Bước 3: Tổ chức thông báo Mã địa chỉ số

- UBND cấp xã tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ (theo Phụ lục II của kế hoạch này).

- Hình thức thông báo: Việc thông báo địa chỉ số tới chủ địa chỉ có thể qua các kênh như: Bằng văn bản; qua tin nhắn, email, đường thư; gặp trực tiếp; tổ chuyên đổi số cộng đồng.

Bước 4: Gắn biển địa chỉ số

- Mẫu biển địa chỉ số

UBND tỉnh phê duyệt mẫu Biển địa chỉ số thống nhất trong toàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Tổ chức gắn biển địa chỉ số

Biển địa chỉ số chứa thông tin Mã địa chỉ số được gắn vào đối tượng/công trình được gán địa chỉ để nhận biết địa chỉ số của đối tượng.

Phương thức thực hiện: Trên cơ sở Mã địa chỉ số được cung cấp và hướng dẫn mẫu Biển địa chỉ số thống nhất của tỉnh, chủ sở hữu/người quản lý đối tượng được gán địa chỉ chủ động gắn Biển địa chỉ số theo nhu cầu. Khuyến khích 100% chủ sở hữu/người quản lý đối tượng thực hiện gắn Biển địa chỉ số.

2.4. Tổ chức thông tin, tuyên truyền về Nền tảng địa chỉ số quốc gia

- Nội dung thông tin, tuyên truyền: Kế hoạch phát triển nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của Bộ Thông tin và Truyền thông, của UBND tỉnh; giới thiệu chức năng, tính năng chính, lợi ích khi sử dụng, hiệu quả hoạt động của nền tảng địa chỉ số, hướng dẫn sử dụng; vinh danh tổ chức, doanh nghiệp điển hình phát triển, sử dụng nền tảng địa chỉ số; các nội dung khác liên quan đến phát triển và sử dụng nền tảng địa chỉ số.

- Phương thức thông tin, tuyên truyền: Xây dựng tài liệu, ấn phẩm truyền thông; thường xuyên thông tin, tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, Báo Sơn La, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và qua mạng Internet nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; xây dựng, tổng hợp và cung cấp thông tin cho báo chí, truyền thông để tuyên truyền, quảng bá Nền tảng địa chỉ số quốc gia; tổ chức các chiến dịch truyền thông, quảng bá Nền tảng địa chỉ số quốc gia; truyền thông qua hệ thống thông tin cơ sở; thông tin, tuyên truyền theo các phương thức khác.

- Tổ chức, tham gia các hội thảo, hội nghị, tọa đàm về phát triển và sử dụng nền tảng địa chỉ số quốc gia; tập huấn, hướng dẫn sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch này từ nguồn ngân sách tỉnh và nguồn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Khuyến khích nguồn kinh phí xã hội hoá và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Việc sử dụng kinh phí triển khai các nhiệm vụ liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch. Kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện.

- Phối hợp với Sở, ngành, đơn vị liên quan thiết kế mẫu biển địa chỉ số phù hợp đặc thù tại địa phương (nếu có) trên cơ sở mẫu chung do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Hướng dẫn các cơ quan báo chí của tỉnh, UBND các huyện, thành phố tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và qua hệ thống thông tin cơ sở về việc triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông tiến độ thực hiện theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp phát triển nền tảng để thúc đẩy sử dụng nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số, phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

- Cung cấp thông tin dữ liệu liên quan đến bản đồ số, địa chỉ số để phát triển nền tảng bản đồ số, nền tảng địa chỉ số quốc gia.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

4. Báo Sơn La, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh

Xây dựng các chuyên mục, chương trình tuyên truyền; dành thời lượng thích hợp đưa tin đầy đủ, kịp thời các hoạt động về việc triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số.

5. Bưu điện tỉnh

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của doanh nghiệp; báo cáo việc triển khai thực hiện kế hoạch với UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông).

- Bố trí nguồn lực đầu tư, nghiên cứu, làm chủ công nghệ, vận hành, phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số đảm bảo cung cấp các dịch vụ cơ bản của Nền tảng địa chỉ số (tra cứu, tạo địa chỉ số, đăng ký địa chỉ số, xác thực địa chỉ số) và cung cấp dịch vụ nâng cao của Nền tảng địa chỉ số (chỉ đường, dẫn đường đến địa chỉ số).

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương thu thập, cập nhật bổ sung dữ liệu các trường thông tin cơ bản của địa chỉ số được phân loại tại Phụ lục II Kế hoạch này và bổ sung các địa chỉ số mới (nếu có) để tạo lập CSDL địa chỉ số quốc gia; Xây dựng quy trình cấp tài khoản người dùng: khai báo, tạo lập, xác thực địa chỉ.

- Chủ trì, phối hợp các doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số tích hợp với Nền tảng địa chỉ số.

6. UBND các huyện, thành phố

- Chỉ đạo, triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn.

- Phối hợp với Bưu điện tỉnh thực hiện thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng tại Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia.

- Chỉ đạo thực hiện tuyên truyền trên hệ thống thông tin cơ sở, cổng thông tin điện tử cấp huyện, cấp xã về việc triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số.

7. UBND cấp xã

- Cung cấp thông tin cho doanh nghiệp phát triển Nền tảng địa chỉ số về địa chỉ của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phục vụ cho việc xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia.

- Tổ chức thông báo địa chỉ số đến các đối tượng liên quan trên địa bàn.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Định kỳ hàng tháng (trước ngày 20), các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp báo cáo kết quả theo nhiệm vụ được phân công (kèm theo Phụ lục IV) về UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông).

2. Định kỳ hàng tháng (trước ngày 22) hoặc đột xuất, Bưu điện tỉnh tổng hợp, báo cáo bằng văn bản tiến độ thực hiện chỉ tiêu năm 2022 và tình hình thực hiện kế hoạch của doanh nghiệp (kèm theo Phụ lục IV) về UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông).

Trên đây là Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Sơn La. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh, thông tin về UBND tỉnh (*qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp*) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Báo Sơn La, Đài PTTH tỉnh;
- Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam;
- Bưu điện tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục I

CẤU TRÚC NỀN TẢNG ĐỊA CHỈ SỐ VÀ NGUYÊN TẮC GÁN ĐỊA CHỈ SỐ

1. Các khái niệm

1.1. Địa chỉ số là tập hợp thông tin nhằm xác định vị trí, tọa độ của một địa danh hoặc một đối tượng bất kỳ gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Đối tượng được gán địa chỉ số)

1.2. Đối tượng được gán địa chỉ số (gọi tắt là đối tượng) là nhà ở, trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh, công trình xây dựng, địa danh hoặc bất cứ cấu trúc vật lý gắn liền với đất nào cần xác định vị trí để phục vụ nhu cầu đa dạng của người dân, doanh nghiệp, nhà nước và toàn xã hội. Đối tượng gán địa chỉ số được phân loại trong phụ lục II kèm theo.

1.3. Mã địa chỉ số được biểu diễn dưới dạng ký tự số, dễ nhớ, dễ sử dụng, đảm bảo tính duy nhất và có thể thay thế địa chỉ hành chính (nếu cần).

2. Cấu trúc địa chỉ số

Địa chỉ số bao gồm Mã địa chỉ số và các trường thông tin địa chỉ số

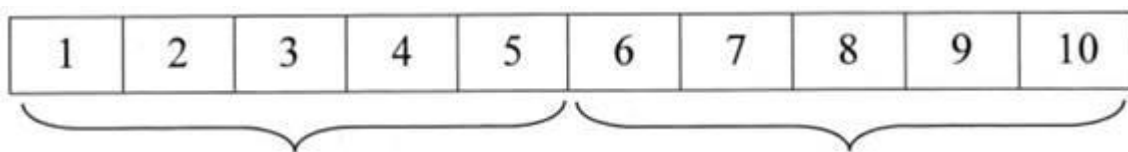
2.1. Mã địa chỉ số: gồm tập hợp 10 (mười) ký tự số, xác định đối tượng được gán địa chỉ số, cụ thể:

- Năm (05) ký tự số đầu gọi là Mã khu vực, xác định đơn vị hành chính cấp phường, xã và đơn vị hành chính tương đương.

- Năm (05) ký tự số tiếp theo gọi là Mã mở rộng, được gán ngẫu nhiên đến từng Đối tượng cụ thể.

Cấu trúc Mã địa chỉ số thể hiện trong hình sau:

Cấu trúc địa chỉ số



Mã khu vực

Mã mở rộng

(tổ hợp 0-9, gán đến đơn vị hành chính cấp xã)

(tổ hợp 0-9, gán ngẫu nhiên tới từng địa chỉ vật lý cụ thể trong phạm vi khu vực)

Được gán đến từng đơn vị hành chính cấp phường/xã.

Được gán đến từng nhà ở, trụ sở, công trình, địa điểm cần gán địa chỉ. Duy nhất cho mỗi khu vực

2.2. Các trường thông tin địa chỉ số

a) Các trường thông tin cơ bản

(1) Tên hoặc dấu hiệu nhận biết Đối tượng: là tên, mã số (nếu có) hoặc miêu tả đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của đối tượng được gán địa chỉ số.

(2) Địa chỉ hành chính hoặc khu vực hành chính của Đối tượng: là địa chỉ hành chính (nếu có) như số nhà, tên đường, ..., hoặc thông tin khu vực hành chính của Đối tượng (như thôn/xóm, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

(3) Loại đối tượng: thông tin về loại của Đối tượng được gán địa chỉ số theo quy định phân loại tại Phụ lục II Kế hoạch này.

(4) Tọa độ địa chỉ: là kinh độ, vĩ độ của vị trí cho phép tiếp cận Đối tượng được gán địa chỉ số từ đường giao thông (cổng vào, lối vào của Đối tượng); Trường hợp Đối tượng có cổng/cửa vào lớn thì lấy tọa độ vị trí trung tâm của cổng/cửa vào của Đối tượng làm tọa độ của địa chỉ.

b) Các trường thông tin nâng cao:

(1) Tên, số điện thoại di động, email của chủ sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình).

(2) Tên, số điện thoại di động, email của người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể).

(3) Tên, số điện thoại di động, email của người đang sử dụng/quản lý đối tượng được gán địa chỉ số.

(4) Khuyến khích bổ sung các trường thông tin nâng cao để tăng giá trị sử dụng Nền tảng địa chỉ số phù hợp nhu cầu khai thác, sử dụng và phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

3. Nguyên tắc gán địa chỉ số

3.1. Một Đối tượng cụ thể chỉ có thể gán 01 địa chỉ số duy nhất tại một vị trí, một tọa độ nhất định (kể cả đối tượng có nhiều lối tiếp cận, lối vào khác nhau từ đường giao thông, ví dụ cổng trước, cổng sau của 1 ngôi nhà).

3.2. Đối với Đối tượng đặc thù có kích thước lớn hoặc địa danh có nhiều tọa độ khác nhau có thể gán nhiều địa chỉ số thì trường thông tin về “Tên hoặc dấu hiệu nhận biết đối tượng” của mỗi địa chỉ số của Đối tượng đó cần ghi rõ thông tin phân biệt (ví dụ: cổng trước hoặc cổng sau của Tòa nhà xxx)

3.3. Đối với loại Đối tượng có kết cấu theo chiều dài tiếp giáp dọc đường giao thông và có thể tiếp cận đối tượng từ bất cứ chỗ nào dọc đoạn đường giao thông đó (ví dụ 1 quả đồi, công viên có đường vòng quanh và không có hàng rào) thì cách gán địa chỉ số cho Đối tượng áp dụng như đối với đường giao thông (đường phố, ngõ, ngách, ...), theo đó địa chỉ số của Đối tượng sẽ gồm địa chỉ điểm đầu, địa chỉ điểm cuối và địa chỉ các nút giao, cắt của con đường.”

Phụ lục II

PHÂN LOẠI ĐỐI TƯỢNG GÁN ĐỊA CHỈ SỐ

Đối tượng gán địa chỉ số được phân thành các loại như sau:

I. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình

Nhà ở cá nhân, hộ gia đình; nhà ở tập thể, khu nhà trọ; căn hộ (trong các tòa nhà, chung cư); nơi cư trú khác.

II. Trụ sở cơ quan, tổ chức

1. *Trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội:* (i) Trụ sở Tỉnh ủy, UBND, HĐND tỉnh, cơ quan sở, ban, ngành và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh; (ii) Trụ sở Huyện ủy, thành ủy, UBND, HĐND huyện, thành phố và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp huyện; (iii) Trụ sở Đảng ủy, UBND, HĐND phường, xã và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp xã; (iv) Trụ sở tòa án, viện kiểm sát và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; (v) Nhà tù, trại giam, trại giáo dưỡng; (vi) Trụ sở các cơ quan đoàn thanh niên, hội phụ nữ, công đoàn; (vii) Trụ sở các hội, hiệp hội, liên hiệp hội và tổ chức chính trị - xã hội khác; (viii) Trụ sở các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp khác, cơ quan chuyên môn của nhà nước.

2. Trụ sở cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài.

III. Các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội

1. *Cơ sở giáo dục, đào tạo:* (i) Cơ sở giáo dục mầm non (nhà trẻ, trường/cơ sở mẫu giáo, mầm non); (ii) Cơ sở giáo dục/trường tiểu học; (iii) Cơ sở giáo dục/trường trung học cơ sở; (iv) Cơ sở giáo dục/trường trung học phổ thông, trường phổ thông liên cấp; (v) Cơ sở/trung tâm giáo dục thường xuyên; (vi) Cơ sở đào tạo/trường cao đẳng, đại học; (vii) Cơ sở đào tạo/trường dạy nghề, công nhân kỹ thuật, trung học chuyên nghiệp; (viii) Cơ sở/trung tâm đào tạo (ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ chuyên ngành, âm nhạc, mỹ thuật, kỹ năng sống, kỹ năng chuyên môn, ...); (ix) Cơ sở/trung tâm tư vấn giáo dục, đào tạo, du học; (x) Cơ sở giáo dục đào tạo khác.

2. *Cơ sở y tế, dược phẩm:* (i) Cơ sở y tế, khám chữa bệnh: bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, trạm y tế, trung tâm y tế, điểm/phòng khám chữa bệnh, trung tâm xét nghiệm, trung tâm thí nghiệm y tế, sinh học, khu cách ly y tế, bệnh viện/trại tâm thần, cơ sở y tế khác; (ii) Cơ sở chăm sóc sức khỏe: cơ sở/trung tâm chăm sóc sức khỏe, thẩm mỹ viện, spa, massage, tatoo, cơ sở dưỡng lão, cơ sở chăm sóc sức khỏe khác; (iii) Cơ sở thú y: bệnh viện thú y, trạm thú y, cơ sở thú y khác; (iv) Cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế: nhà thuốc, cửa hàng dược, cửa hàng thiết bị y tế, công ty/cơ sở sản xuất chế biến dược phẩm, công ty/cơ sở sản xuất thiết bị y tế; cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế khác.

3. *Cơ sở kinh doanh, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ tư vấn, môi giới, sửa chữa, cho thuê:* (i) chợ, siêu thị: chợ, chợ đầu mối, siêu thị, tòa nhà thương mại, trung

tâm mua sắm; (ii) cửa hàng bán lẻ, bán buôn: cửa hàng, cửa hiệu, đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, show room, cơ sở bán buôn, bán lẻ khác; (iii) Cơ sở dịch vụ công chứng, môi giới, quảng cáo: phòng công chứng, trung tâm tư vấn, trung tâm môi giới bất động sản, trung tâm quảng cáo, cơ sở môi giới khác; (iv) Cơ sở dịch vụ xe - máy, sửa chữa: đại lý xe - máy, cơ sở kinh doanh buôn bán xe - máy, đại lý cho thuê, trung tâm bảo hành, gara sửa chữa, cửa hàng sửa chữa, cơ sở dịch vụ xe - máy, dịch vụ sửa chữa khác; (v) Cơ sở dịch vụ studio, ảnh viện, dịch vụ cưới hỏi,...

4. Cơ sở văn hóa: Trung tâm hội nghị, hội thảo, nhà văn hóa, câu lạc bộ; Bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày; Nhà hát, trung tâm ca nhạc, điểm biểu diễn, rạp chiếu phim, rạp xiếc, rạp múa rối, cơ sở biểu diễn nghệ thuật khác; Di tích lịch sử, nhà/khu bảo tồn văn hóa; Cơ sở văn hóa khác;

5. Cơ sở thể dục, thể thao: Sân vận động, sân bóng đá, sân thi đấu, nhà thi đấu, sân tennis, sân thể thao ngoài trời, sân gôn, sân thể thao khác; Khu tập luyện thể thao, bể bơi, phòng tập gym, yoga, điểm tập luyện thể dục thể thao khác; Cửa hàng, cơ sở bán trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Cơ sở sản xuất trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Các cơ sở thể thao khác.

6. Cơ sở, địa danh du lịch, giải trí, ăn uống, lưu trú, đi lại: (i) Điểm du lịch, đi lại: điểm du lịch, danh lam, thắng cảnh, công viên cây xanh, vườn bách thảo, sở thú, khu bảo tồn, khu sinh thái, điểm checkin; bến xe, sân bay, điểm đón trả khách; ... (ii) Cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại: đại lý du lịch, trung tâm thông tin du lịch, điểm đặt tour du lịch, trung tâm điều hành tour du lịch, đại lý vé máy bay, tàu, thuyền, cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại khác (ii) Cơ sở giải trí: điểm vui chơi giải trí, vũ trường, karaoke, quán bi-a, quán game, cơ sở vui chơi giải trí khác,...; (iii) Cơ sở ẩm thực, ăn uống: khu ẩm thực, nhà hàng, quán ăn, hàng ăn, quán bia, quán rượu, quán bar, pub, quán cà phê, quán giải khát,... (iv) Cơ sở lưu trú: khu nghỉ dưỡng, resort, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, homestay, ký túc xá, nhà trọ; (v) Cơ sở du lịch, ăn uống, lưu trú, đi lại khác.

7. Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: đình, đền, chùa, miếu thờ, nhà thờ, tượng phật, tượng thánh, nhà tưởng niệm, nhà tang lễ, lăng mộ, nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, cửa hàng đồ ma chay hiếu hỉ thờ cúng, công trình tôn giáo khác.

8. Cơ sở bưu chính, viễn thông: (i) Bưu chính, chuyển phát: bưu cục, điểm giao nhận hàng chuyển phát, trung tâm chia chọn, trụ sở doanh nghiệp bưu chính chuyển phát, điểm văn hóa xã, cơ sở bưu chính khác; (ii) Viễn thông - Internet: điểm giao dịch viễn thông - internet, đại lý internet, trụ sở doanh nghiệp viễn thông - internet, cơ sở viễn thông, công trình viễn thông, cột ăng ten viễn thông, trạm chuyển phát, cột/đường cáp tín hiệu, các cơ sở công trình viễn thông khác.

9. Cơ sở, công trình báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình: trụ sở các cơ quan báo chí, nhà xuất bản, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, nhà trạm phát sóng, cột ăng ten phát thanh truyền hình, trạm chuyển phát, các cơ sở, công trình báo chí, phát thanh, truyền hình khác.

10. Các cơ sở, doanh nghiệp công nghệ số: trụ sở các doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp điện tử, doanh nghiệp nền tảng số, trung tâm phần mềm, phòng thí nghiệm, thử nghiệm công nghệ (test lab), cơ sở nghiên cứu công nghệ, các cơ sở công nghệ số khác.

11. Các cơ sở ngân hàng, tài chính, bảo hiểm: (i) Cơ sở ngân hàng: trụ sở ngân hàng, điểm giao dịch tín dụng, cây ATM, điểm đổi tiền, trung tâm trung gian tiền tệ, cơ sở dịch vụ ngân hàng khác; (ii) Cơ sở tài chính: trụ sở các tổ chức tài chính, cơ sở dịch vụ tài chính, quỹ đầu tư; (iii) Cơ sở chứng khoán: trụ sở các tổ chức chứng khoán, sàn giao dịch chứng khoán; (iv) Cơ sở kinh doanh vàng bạc đá quý và đồ trang sức; (v) trụ sở các tổ chức bảo hiểm, cơ sở dịch vụ bảo hiểm; (vi) Các cơ sở dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm khác.

12. Cơ sở vận tải, logistic: bến xe, bến tàu thuyền, sân bay, bến hành khách, bến hàng hóa, âu tàu, khu chuyển tải; khu neo đậu; khu tránh, trú bão, bến phà, bến đò, bến sông, kho bãi, trạm thu phí, điểm dừng chân, điểm đón trả khách, trạm chờ xe buýt, bãi đỗ xe, đại lý vận tải, đại lý giao nhận, đại lý dịch vụ logistic, cửa hàng/Trạm bán lẻ xăng, dầu, khí hóa lỏng; trạm cấp/sạc điện, pin điện, thay ắc quy, các cơ sở vận tải, logistic khác.

13. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ: nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp thực phẩm (bánh, kẹo, sữa, mỳ ăn liền, rượu, bia, nước giải khát; nhà máy, cơ sở sản xuất chế biến nông, thủy, hải sản; nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp tiêu dùng (dệt, sợi, in, nhuộm, may mặc, da, giày, nhựa, thủy tinh, giấy, thuốc lá, vi tính, điện tử); các cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ khác.

14. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nặng: nhà máy, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng; nhà máy, cơ sở luyện kim và cơ khí chế tạo; cơ sở khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; cơ sở khai thác, chế biến, lưu trữ dầu khí; nhà máy, cơ sở sản xuất, công trình điện (nhiệt điện, thủy điện, điện hạt nhân, điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều, điện khí, đường dây và trạm biến áp); nhà máy, cơ sở sản xuất hóa chất (sản xuất phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật; sản xuất sản phẩm hóa chất cơ bản, hóa dầu, hóa dược, hóa mỹ phẩm và hóa chất khác; sản xuất sản phẩm nguồn điện hóa học; sản xuất, kho trạm chiết nạp khí công nghiệp; sản xuất sản phẩm cao su; sản xuất, chứa vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ; các cơ sở sản xuất công nghiệp nặng khác.

IV. Các công trình giao thông, xây dựng

15. Đường giao thông: đường cao tốc, đường ô tô, đường trong đô thị, đường nông thôn, đường chuyên dùng, đường xe đạp, đường đi bộ, cầu, nút giao thông (ngã ba, ngã tư, ...), hầm đi bộ sang đường, cầu đi bộ sang đường, các cơ sở hạ tầng giao thông khác;

16. Công trình cung cấp cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật: Công trình cấp nước (nhà máy nước, trạm bơm cung cấp nước); Công trình thoát nước (hồ điều hòa, trạm bơm thoát nước, trạm xử lý nước thải, trạm bơm nước thải, trạm xử lý bùn); Cơ sở xử lý chất thải rắn (CTR); các cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật khác.

17. Công trình xây dựng khác: gồm các loại công trình xây dựng theo quy định về phân loại, phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng¹ không nằm trong các loại nêu trên.

18. Cấu trúc xây dựng, cấu trúc vật lý gắn liền với đất (nhưng chưa được xếp loại công trình liệt kê ở trên) như cột cấp nước cứu hỏa, cột đèn đường, cột biển báo giao thông, cây ATM, ...

V. Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất

19. Các khu đô thị, khu thương mại dịch vụ, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu nông nghiệp đặc thù, các loại khu, phân khu khác.

20. Các thửa đất, lô đất, khu đất: đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; đất xây dựng trụ sở; Đất xây dựng công trình sự nghiệp; Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; đất nông nghiệp (gồm đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác.

VI. Các đối tượng khác

21. Cấu trúc tự nhiên gắn liền với đất (như mỏm đá, ao, hồ, gò, đồi, núi,...).

22. Các loại địa điểm, công trình, cấu trúc vật lý, đối tượng gắn liền với đất khác cần xác định vị trí./.

¹Tham khảo các loại công trình tại phụ lục của Thông tư 06/2021/TT-BXD <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Thong-tu-06-2021-TT-BXD-phan-cap-cong-trinh-xay-dung-480818.aspx>

Phụ lục III
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2022

1. 100% đối tượng được phân loại tại mục I, II Phụ lục II Kế hoạch này được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số; khuyến khích thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng tại mục III phụ lục II của Kế hoạch này.

2. 100% chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ số được phân loại tại mục I, II Phụ lục II Kế hoạch này được thông báo thông tin Mã địa chỉ số; Khuyến khích thông báo cho các đối tượng tại mục III phụ lục II của Kế hoạch này.

II. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỦA KẾ HOẠCH

Stt	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Xây dựng Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Sơn La			
1	Xây dựng Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan	Tháng 7 năm 2022
2	Xây dựng Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của doanh nghiệp	Bưu điện tỉnh		Tháng 7 năm 2022
II	Nhiệm vụ triển khai Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số			
1	Thu thập, cập nhật bổ sung cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia			
1.1	Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II)	Bưu điện tỉnh	UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2022; Hàng năm rà soát bổ sung
1.2	Thu thập, bổ sung các trường thông tin nâng cao của địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào CSDL địa chỉ số quốc gia (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I,	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND cấp huyện;	Các sở, ban, ngành, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên	Hàng năm

	II Phụ lục II)	Bưu điện tỉnh	quan	
2	Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số			
2.1	Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác	Sở Thông tin và Truyền thông; Bưu điện tỉnh; các Sở, ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan		Hàng năm
2.2	Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp	Sở Thông tin và Truyền thông; Bưu điện tỉnh; các Sở, ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan		Hàng năm
2.3	Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ y tế, bản đồ giáo dục, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, bản đồ cột nước cứu hỏa, v.v....	Sở Thông tin và Truyền thông; Bưu điện tỉnh; các Sở, ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan		Hàng năm
2.4	Triển khai các dịch vụ ứng dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số khác.	Sở Thông tin và Truyền thông; Bưu điện tỉnh; các Sở, ngành, đơn vị, doanh nghiệp liên quan		Hàng năm
3	Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số			
3.1	Xây dựng quy trình và phương án bàn giao dữ liệu địa chỉ số cho tỉnh Sơn La	Bưu điện tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 7 năm 2022

3.2	Chuẩn bị đầy đủ dữ liệu địa chỉ số (các trường thông tin cơ bản) của các đối tượng nêu tại Phụ lục II của Kế hoạch này	Bưu điện tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 7 năm 2022
3.3	Bàn giao dữ liệu Mã địa chỉ số cho tỉnh Sơn La	Bưu điện tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 7 năm 2022
3.4	Bàn giao dữ liệu Mã địa chỉ số cho UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông	Bưu điện tỉnh	Tháng 7 năm 2022
3.5	Bàn giao dữ liệu Mã địa chỉ số cho UBND cấp xã	UBND cấp huyện	Sở Thông tin và Truyền thông; Bưu điện tỉnh	Tháng 7 năm 2022
3.6	Xây dựng mẫu Thông báo thông tin Mã địa chỉ số	Sở Thông tin và Truyền thông	Bưu điện tỉnh	Tháng 8 năm 2022
3.6	Thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ	UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông; Bưu điện tỉnh	Từ Tháng 8 năm 2022
3.7	Thiết kế mẫu Biểu địa chỉ số trình UBND tỉnh phê duyệt (trường hợp không dùng mẫu chung của Bộ Thông tin và Truyền thông)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, Bưu điện tỉnh	Khi có hướng dẫn của Bộ Thông Tin và Truyền thông
3.8	Gắn biển địa chỉ số	Chủ sở hữu/người quản lý đối tượng được gán địa chỉ số		
4	Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về Nền tảng địa chỉ số quốc gia và kết quả triển khai Kế hoạch			
4.1	Tuyên truyền trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh	Trung tâm thông tin – Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	Hàng năm

4.2	Tuyên truyền qua các cơ quan báo chí, đài Phát thanh - Truyền hình	Sở Thông tin và Truyền thông; Báo Sơn La; Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh	Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	Hàng năm
4.3	Tuyên truyền qua hệ thống thông tin cơ sở	Sở Thông tin và Truyền thông; UBND các huyện, thành phố	Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan	Hàng năm

Phụ lục IV
BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỈ TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG ĐỊA CHỈ SỐ GẮN VỚI BẢN ĐỒ SỐ
 Tháng/năm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng đạt được trong kỳ báo cáo	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Tỷ lệ hoàn thành chỉ tiêu lũy kế đến kỳ báo cáo	Đơn vị thực hiện báo cáo	Ghi chú
I	Số lượng đối tượng đã được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số					Buru điện tỉnh	
1	Nhà ở cá nhân, hộ gia đình	Hộ gia đình					Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
2	Trụ sở cơ quan, tổ chức	Cơ quan					Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
3	Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội	Cơ sở					Chỉ tiêu khuyến khích
4	Các công trình giao thông, xây dựng	Công trình					Chỉ tiêu khuyến khích
5	Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất	Khu đất					Chỉ tiêu khuyến khích
6	Các đối tượng khác						Chỉ tiêu khuyến khích
II	Số lượng chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ số được thông báo thông tin Mã địa chỉ số					UBND các huyện, thành phố	Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
1	Nhà ở cá nhân, hộ gia đình	Hộ gia đình					Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
2	Trụ sở cơ quan, tổ chức	Cơ quan					Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo
3	Các cơ sở dân sinh, kinh tế xã hội	Cơ sở					Chỉ tiêu khuyến khích
4	Các công trình giao thông, xây	Công					Chỉ tiêu khuyến

	dụng	trình					khích
5	Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất	Khu đất					Chỉ tiêu khuyến khích
6	Các đối tượng khác						Chỉ tiêu khuyến khích
III	Số lượng đối tượng, công trình được gắn biển địa chỉ số	Biển				UBND các huyện, thành phố	Chỉ tiêu khuyến khích
IV	Số ứng dụng bản đồ số được đưa vào sử dụng	ứng dụng				Bưu điện tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Chỉ tiêu bắt buộc báo cáo